

CHI RIỀNG - *ALPINIA* ROXB. (HỌ GỪNG – ZINGIBERACEAE) Ở VIỆT NAM

Nguyễn Quốc Bình¹, Nguyễn Phương Hạnh², Hoàng Lê Tuấn Anh³,

¹Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam,

Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

²Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật,

Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam,

³Viện Nghiên cứu Khoa học miền trung,

Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam,

Chi Riêng - *Alpinia* Roxb. thuộc họ Gừng (Zingiberaceae), trên thế giới có khoảng 300 loài, phân bố ở vùng nhiệt đới và cận nhiệt đới châu Á, một số ít ở Ôxtrâyli và quần đảo Thái Bình Dương. Chi Riêng đã được Roxburgh mô tả vào năm 1810 (Wu and Larsen, 2000). Tài liệu chuyên khảo trên toàn thế giới đáng chú ý nhất viết về chi Riêng - *Alpinia* Roxb. là của R. M. Smith (1990). Phạm Hoàng Hộ (2000), trong cuốn “Cây cỏ Việt Nam” đã mô tả ngắn gọn 20 loài; Nguyễn Quốc Bình (2005), trong “Danh lục các loài thực vật Việt Nam, tập 3” đã giới thiệu tóm tắt các thông tin cơ bản về 27 loài. Bài báo giới thiệu đặc điểm thực vật và xây dựng khóa định loại đến loài trong chi Riêng ở Việt Nam.

I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Phương pháp hình thái so sánh được sử dụng định tên khoa học các loài. Đồng thời kế thừa và tổng hợp tài liệu liên quan đến phân về phân loại họ Gừng trong và ngoài nước. Xây dựng khóa định loại theo kiểu khóa lưỡng phân.

II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Đặc điểm thực vật chi Riêng - *Alpinia* Roxb.

Roxb. 1810. Asiat. Res. 11: 350, nom. cons.; K. Schum. 1904. Pflanzenreich Zingib. 308; Gagnep. 1908. Fl. Gen. Indoch. 6: 28; Loes. 1930. Nat. Pflanzenfam. 15a: 611.

Đặc điểm hình thái: Cây thảo cao 1-3 (4) m, thân rễ bò, dày. Lá nhiều, phiến lá hình bầu dục dài hay dạng mác, có cuống hay không. Cụm hoa dạng chùm hay bông, trên ngọn thân có lá, hoa đỉnh thưa hay dày, cụm hoa khi non thường được bao bởi 1-3 lá bắc (thường gọi là lá bắc tổng bao - nhưng sớm rụng). Các lá bắc (nếu có) mở đến gốc, bao một hoa hay vài hoa trong một cụm nhỏ (*cincinnus*); các lá bắc con dạng ống hay mở đến gốc, đôi khi không có. Đài hoa có phần dưới dạng ống, trên xẻ 1 bên hay chia 3 thùy nhỏ dạng răng. Tràng có phần dưới dạng ống, trên xẻ thành 3 thùy, thùy lưng thường to hơn hai thùy bên, đầu có dạng mũ nông hay sâu. Cánh môi to, có màu sặc sỡ, thường to rộng hơn các thùy tràng, phía đầu xẻ thành 2-3 thùy hay nguyên. Nhị có chỉ nhị dạng bản, ngắn hoặc dài; bao phấn 2 ô, phần phụ trung đới kéo dài lên phía trên thành mào hay không. Nhị lép bên 2, tiêu giảm thành dạng dùi, dạng răng hay tiêu giảm hoàn toàn. Bầu hình cầu hay gần hình cầu. Vòi nhụy mảnh, núm nhụy thường loe hình phễu, đôi khi có dạng chùy. Vòi nhụy lép ngắn, dạng bản hay dùi. Quả nang, hình cầu hay hình bầu dục, hiếm khi hình thoi (*A. oxyphylla*), tự mở hoặc mở không đều. Hạt nhiều, thường có góc cạnh, có áo hạt.

Sinh học và sinh thái: Phần lớn các loài trong chi này ưa bóng, ưa ẩm, mọc dưới tán rừng, dưới bóng các cây khác, nhưng có số ít loài vẫn phát triển tốt ở nơi ít bóng như ven đường lớn hay ở trống cỏ (*A. malaccensis*, *A. hainanensis*, *A. gagnepainii*).

2. Khóa định loại các loài thuộc chi Riêng – *Alpinia*

1A. Phần phụ trung đới không kéo dài thành mào.

2A. Cụm hoa dạng chùy.

3A. Lá bắc con dạng vẩy, dài dưới 1 mm.

4A. Cụm hoa nhiều nhánh, nhánh có 4-8 hoa 1. *A. globosa*

4B. Cụm hoa không phân nhánh..... 2. *A. officinarum*

3B. Lá bắc con không dạng vẩy, dài hơn 1 mm.

5A. Lá bắc con không mở đến gốc, dạng phễu 3. *A. conchigera*

5B. Lá bắc con mở đến gốc, không dạng phễu.

6A. Đài hoa dạng ống, đầu chia thành 4 thùy dạng răng 4. *A. menghaiensis*

6B. Đài hoa dạng ống, đầu chia thành 3 thùy dạng răng.

7A. Lá bắc tiêu giảm hay dài đến 1 mm, sớm rụng.

8A. Mặt dưới phiến lá có lông.

9A. Cụm hoa phân nhánh, nhánh dài đến 8 mm; nhị lép mảnh, dài đến 4 mm
..... 5. *A. macroura*

9B. Cụm hoa không phân nhánh; nhị lép tiêu giảm thành dạng thể chai
..... 6. *A. malaccensis*

8B. Mặt dưới phiến lá nhẵn, trừ mép và mép đầu phiến lá có gai hay lông.

10A. Đài hoa xẻ xiên xuống 1 bên.

11A. Cuống lá không có; thùy tràng dài 1,5-1,8 cm 7. *A. gagnepainii*

11B. Cuống lá dài 1-2 cm; thùy tràng dài 3-3,5 cm 8. *A. zerumbet*

10B. Đài hoa không xẻ xiên xuống 1 bên.

12A. Đài hoa dạng ống, dài 0,8-1 cm 9. *A. breviligulata*

12B. Đài hoa dạng ống, dài 1,8-2 cm 10. *A. velutina*

7B. Lá bắc dài hơn 1 mm.

13A. Đài hoa dạng ống, dài 7-8 mm; Cánh môi màu trắng, đầu xẻ sâu xuống ½
chiều dài thành 2 thùy 11. *A. galanga*

13B. Đài hoa dạng phễu, dài 1,5-2 cm; cánh môi màu vàng, có nhiều đốm đỏ, đầu
chia 3 thùy không rõ 12. *A. mutica*

2B. Cụm hoa dạng chùm hay dạng bông.

14A. Cụm hoa dạng chùm.

15A. Cuống lá rất ngắn hay dài dưới 5 mm; mặt dưới phiến lá nhẵn, mép có hay viền lông.

16A. Lá bắc nhỏ; lá bắc con dài 2,5-3 cm 13. *A. hainanensis*

16B. Lá bắc tiêu giảm; lá bắc con tiêu giảm.....14. *A. oxyphylla*

15B. Cuống lá dài 0,8-8 cm; mặt dưới phiến lá có lông.

17A. Cuống lá dài 0,8-2 cm; cuống hoa dài 4-8 mm15. *A. blepharocalyx*

17B. Cuống lá dài 4-8 cm; hoa không 16. *A. kwangsiensis*

14B. Cụm hoa dạng bông.

18A. Phiến lá nhẵn, trừ mép và đầu phiến lá 17. *A. stachyoides*

- 18B. Mặt dưới phiến lá nhiều lông.
 19A. Cuống lá dài 2,5-4,5 cm; cụm hoa bông gần như hình trụ..... 18. *A. pinnanensis*
 19B. Cuống lá dài 0-1 cm; cụm hoa bông, dạng gần tròn hay hình nón.....
 19. *A. strobiliformis*
- 1B. Phần phụ trung đới kéo dài thành mào.
 20A. Đài hình ống, đầu chia thành 4 thùy dạng răng; cánh môi chia 4 thùy20. *A. hirsuta*
 20B. Đài hình ống, đầu chia thành 3 thùy dạng răng; cánh môi không chia thành 4 thùy.
 21A. Cuống lá dài dưới 1 cm.
 22A. Lá bắc màu đỏ tươi21. *A. purpurata*
 22B. Lá bắc không có màu đỏ.
 23A. Quả hình thoi, có 10-12 cạnh nổi.....22. *A. oxymitra*
 23B. Quả hình bầu dục hay hình tròn, không có cạnh nổi.
 24A. Lá bắc con cỡ 1,2-1,4 x 0,8-1 cm, bao 2-3 hoa 23. *A. calcicola*
 24B. Lá bắc con cỡ 5 x 2 mm, bao 1 hoa24. *A. oblongifolia*
- 21B. Cuống lá dài trên 1 cm.
 25A. Lá bắc dài 4-6 cm; cánh môi nguyên 25. *A. phuthoensis*
 25B. Lá bắc dài dưới 4 cm hay tiêu giảm; cánh môi xẻ 2 hay 3 thùy.
 26A. Lưỡi lá dài dưới 1 cm.
 27A. Trục cụm hoa nhẵn; lá bắc con có 1, mở đến góc26. *A. intermedia*
 27B. Trục cụm hoa có lông; lá bắc con có 4-5 cái, hình ống, lồng trong nhau, nhỏ dần.
 27. *A. siamensis*
- 26B. Lưỡi lá dài trên 1 cm.
 28A. Phiến lá nhẵn cả 2 mặt 28. *A. tonkinensis*
 28B. Phiến lá có lông mặt dưới.
 29A. Đài hoa hình ống, dài 0,6-1 cm; thùy tràng dài 1-1,2 cm29. *A. maclurei*
 29B. Đài hoa hình ống, dài 2-2,5 cm; thùy tràng dài 3-3,8 cm.....30. *A. latilabris*

III. KẾT LUẬN

Chi Riêng - *Alpinia* (họ Gừng - Zingiberaceae) ở Việt Nam hiện biết 30 loài. Trong tự nhiên, việc nhận biết các loài rất dễ bị nhầm lẫn do nhiều loài có hình thái gần giống. Đây là chi có số lượng loài lớn và có giá trị kinh tế cao trong họ Gừng nên việc định loài cần chính xác.

Dựa trên cơ sở phân tích các đặc điểm hình thái của cơ quan sinh dưỡng (thân, lá, rễ củ,...) và quan trọng là cơ quan sinh sản (hoa, quả), chúng tôi đã tiến hành mô tả đặc điểm chung của chi và xây dựng được khóa phân loại 30 loài trong chi Riêng ở Việt Nam.

Lời cảm ơn: Tác giả xin chân thành cảm ơn Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia (NAFOSTED) trong đề tài mã số: 106-NN.03-2015.47 đã tài trợ kinh phí để thực hiện nghiên cứu này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Quốc Bình, Dương Đức Huyền, 2004. Tạp chí Sinh học, 26 (4A): 70-72.

2. **Nguyễn Quốc Bình**, 2005. Zingiberaceae Lindl.- Họ Gừng. Danh lục các loài thực vật Việt Nam. Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội, tập 3: 487-508.
3. **Nguyễn Quốc Bình**, 2011. Nghiên cứu phân loại họ Gừng (Zingiberaceae Lindl.) ở Việt Nam. Luận án Tiến sĩ Sinh học. Hà Nội.
4. **Phạm Hoàng Hộ**, 2000. Zingiberaceae-Họ Gừng. Cây cỏ Việt Nam. Nxb.Trẻ, tập 3: 432-461.
5. **Arunrat Chaveerach, Piya Mookamul, Runglawan Sudmoon and Tawatchai Tanee**. A New Species of *Alpinia* Roxb. (Zingiberaceae) from Northeastern Thailand. *Taiwania*, 53(1): 1-5, 2008.
6. **Smith, R. M.**, 1975. A preliminary review of the large bracteate species of *Alpinia*: part 1-3. Note from the Royal Botanic Garden Edinburgh 35: 149-181.
7. **Smith, R. M.**, 1990. *Alpinia* (Zingiberaceae): A proposed new infrageneric classification. *Edinberge J. Bot.* 47: 1-75.
8. **Wu, T. L. and K. Larsen**, 2000. Zingiberaceae. In: Wu, Z. Y. and P. H. Raven (eds.). *Flora of China* 24: 333-346. Sci. Press, Beijing, China.
9. **Yang, J.-J. & J.-C. Wang**, 2000. Zingiberaceae. *Alpinia*. *Flora of Taiwan* 5: 707-717.

THE GENUS *ALPINIA* ROXB. (ZINGIBERACEAE) IN VIETNAM

Nguyen Quoc Binh, Nguyen Phuong Hanh, Hoang Le Tuan Anh

SUMMARY

The genus *Alpinia* Roxb. contains about 300 species in subtropical and tropical rain forests of Asia, Australia and Pacific islands. *Alpinia* was described by Roxburgh in 1810. The most notable monograph on *Alpinia* was written by R. M. Smith (1990). Pham Hoang Ho (2000) in “An Illustrated Flora of Vietnam” described 20 species from the country. In the “Checklist of plant species of Vietnam” Nguyen Quoc Binh (2005) summarized brief information of 27 species. The present paper provides the morphological characteristics and key to species of the genus *Alpinia* in Vietnam.